TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 429/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2024
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồ Cảnh

Ông Mai Xuân Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bằng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 313/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993;

Địa chỉ cư trú: Xóm I, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lê Mạnh C, sinh năm 1993;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm I, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An;

Hiện đang cư trú tại: Nước R; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, đơn yêu cầu thu thập chứng cứ, giấy ủy quyền, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Lê Mạnh C kết hôn với nhau vào ngày 08 tháng 02 năm 2017 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện đã được Ủy ban nhân dân dân xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Tình cảm vợ chồng ngày

càng phai nhạt, không còn sự quan tâm chăm sóc nhau mà thay vào đó là sự chán ghét dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Năm 2018, anh C đi sang nước Rumani làm việc thì vợ chồng ít khi liên lạc với nhau và sau đó thì không liên lạc nữa. Hiện tại, chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Mạnh C.

Về con chung: Chị và anh Lê Mạnh C có 01 con chung là Lê Nhật M, sinh ngày 02/3/2017. Hiện con đang ở với chị và được chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con đến lúc trưởng thành và không yêu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T hiện đang cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nhưng do bận công việc nên chị ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Cẩm D; địa chỉ cư trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh nộp đơn khởi kiện ly hôn, đơn yêu cầu thu thập chứng cứ, giấy ủy quyền, tài liệu và nhận các văn bản của Tòa án, đồng thời chị có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Lê Mạnh C, hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã cấp, tống đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng qua thân nhân của anh Lê Mạnh C là bà Nguyễn Thị N (mẹ của anh C) đến lần thứ hai mà thân nhân của anh C cũng không cung cấp địa chỉ của anh C ở nước ngoài cho Tòa án biết. Đồng thời, cho đến nay anh C cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ và xét xử vụ án vắng mặt các đương sự bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị N (mẹ của anh C) có đơn trình bày: Anh Lê Mạnh C là con của bà. Hiện nay, anh C đang lao động ở nước R, thường xuyên liên lạc với gia đình. Tuy nhiên, do anh C công việc chưa ổn định nên không cung cấp địa chỉ cụ thể cho bà. Do đó, bà không thể cung cấp địa chỉ của anh C ở nước ngoài cho Tòa án được. Sau khi nhận được các văn bản của Tòa án, bà đã thông tin cho anh C biết việc chị T nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thì anh C cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T nhưng không có văn bản gửi cho Tòa án. Việc anh Lê Mạnh C vắng mặt được xác định là cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Lê Mạnh C. Về con chung: Đề nghị giao cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lê Nhật M, sinh ngày 02/3/2017 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại, chị T không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu và anh C chưa có ý kiến nên đề nghị không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung nhưng Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Mạnh C hiện đang cư trú ở nước ngoài; trước xuất cảnh, anh C có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Căn cứ vào khoản 1 và khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn anh Lê Mạnh C không thể tham gia hòa giải được do vắng mặt tại nơi cư trú và hiện đang ở nước ngoài, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh C vẫn cố tình vắng mặt; về phía nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đề nghị không tiến hành hòa giải là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đã ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Cẩm D; địa chỉ cư trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh nộp đơn khởi kiện ly hôn, đơn yêu cầu thu thập chứng cứ, giấy ủy quyền, tài liệu cho Tòa án nhưng do bận công việc nên chị có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị T phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tài liệu và chứng cứ mà chị đã ủy quyền nộp hoặc do chị trực tiếp nộp cho Tòa án. Bị đơn anh Lê Mạnh C hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã cấp, tống đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản

tố tụng cho anh C thông qua người thân là bà Nguyễn Thị N (mẹ của anh C) gồm các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Công văn "Yêu cầu cung cấp địa chỉ của anh Lê Mạnh C"; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác. Đồng thời, yêu cầu anh C trình bày ý kiến về việc chị T có đơn ly hôn. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của anh C cũng không cung cấp địa chỉ của anh C ở nước ngoài cho Tòa án biết. Về phía bà Nguyễn Thị N (mẹ của anh C) có đơn trình bày: Anh Lê Mạnh C là con của bà. Hiện nay, anh C đang lao động ở nước R, thường xuyên liên lạc với gia đình. Tuy nhiên, do anh C công việc chưa ổn định nên không cung cấp địa chỉ cụ thể cho bà. Do đó, bà không thể cung cấp địa chỉ của anh C ở nước ngoài cho Tòa án được. Sau khi nhận được các văn bản của Tòa án, bà đã thông tin cho anh C biết việc chị T nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thì anh C cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 30/8/2024 và lần thứ hai vào ngày 26/9/2024 nhưng cả hai lần anh C đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Do đó, việc anh Lê Mạnh C vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ; từ chối khai báo theo quy định tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài không rõ địa chỉ. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Mạnh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An vào ngày 08 tháng 02 năm 2017, là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không còn sự quan tâm chăm sóc nhau mà thay vào đó là sự chán ghét dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Năm 2018, anh C đi sang nước Rumani làm việc thì vợ chồng ít khi liên lạc với nhau và sau đó thì chấm dứt liên lạc. Theo Công văn số 12289/QLXNC-P3 ngày 13/6/2024 của Cục Q, Bộ C1 cung cấp: Anh Lê Mạnh C đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 12/01/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Hiện tại, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Mạnh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Theo chị Nguyễn Thị T trình bày, chị và anh C có 01 con chung. Nếu ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến lúc trưởng thành. Nguyện vọng của chị T phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của con và đúng quy định của pháp luật; vì hiện nay anh C đang ở nước ngoài và cố tình dấu địa chỉ còn chị T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu của chị T. Giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lê Nhật M, sinh ngày 02/3/2017 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại, chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu và anh Lê Mạnh C chưa có ý kiến nên Tòa án không giải quyết trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 4 Điều 207; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Mạnh C.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lê Nhật M, sinh ngày 02/3/2017 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại, chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Lê Mạnh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết trong vụ án này; dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị T đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013032 ngày 16/7/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Nguyễn Thị T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Anh Lê Mạnh C có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nghi Phú, TP Vinh, NA
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Quỳnh